

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN HÒA THỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/BB-UBND

An Hòa Thịnh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022

I. Thời gian: Ngày 18 tháng 01 năm 2022

II. Địa điểm: Tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 19 thôn.

IV. Nội dung

1. Ông Nguyễn Hữu Đông - Chủ tịch UBND thông qua Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; văn bản hướng dẫn số 1931/STC-NS của Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
2. Thông báo các nội dung công khai:
Công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.
3. Hình thức công khai:
 - Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 19 thôn.
 - Niêm yết tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh, nhà văn hoá xã, thôn.
4. Địa điểm, thời gian niêm yết.
 - Niêm yết tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh, nhà văn hoá xã, thôn, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh, trên cổng thông tin điện tử xã.
 - Thời gian niêm yết: Từ ngày 18/01/2022 đến ngày 18/02/2022.
5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, 19 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản được thông qua vào 10h15 phút cùng ngày và các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký



Nguyễn Thị Lam

Chủ tịch



Nguyễn Hữu Đông

Số: 01/BB-UBND

An Hòa Thịnh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

BIÊN BẢN

Niên yết công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022

I. Thời gian: Ngày 18 tháng 01 năm 2022

II. Địa điểm: Tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh

III. Thành phần: Gồm toàn thể cán bộ, công chức Ủy ban nhân dân, thôn trưởng 19 thôn.

IV. Nội dung

1. Ông Nguyễn Hữu Đông - Chủ tịch UBND thông qua Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; văn bản hướng dẫn số 1931/STC-NS của Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
2. Thông báo các nội dung công khai:
Công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.
3. Hình thức công khai:
 - Thông báo trước Cán bộ, công chức, thôn trưởng 19 thôn.
 - Niêm yết tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh, nhà văn hoá xã, thôn.
4. Địa điểm, thời gian niêm yết.
 - Niêm yết tại Trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh, nhà văn hoá xã, thôn, thông báo trên hệ thống loa truyền thanh, trên cổng thông tin điện tử xã.
 - Thời gian niêm yết: Từ ngày 18/01/2022 đến ngày 18/02/2022.
5. Yêu cầu: Cán bộ, công chức, 19 thôn xem bảng niêm yết các nội dung công khai tài chính nếu có điều gì thắc mắc phản ánh về Ban thanh tra nhân dân xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Biên bản được thông qua vào 10h15 phút cùng ngày và các thành viên nhất trí 100%.

Thư ký



Nguyễn Thị Lam

Chủ tịch



Nguyễn Hữu Đông

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 18/01/2022)

ĐVT: Đồng

Nội dung	Dự toán	
	Thu NSNN	Thu NSX
Tổng số thu	10.218.730.000	9.114.230.000
I. Các khoản thu 100%	168.000.000	168.000.000
- Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	103.000.000	103.000.000
Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
- Thu khác	10.000.000	10.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.192.000.000	1.087.500.000
1. Các khoản thu phân chia	37.000.000	37.000.000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
- Phí Nông nghiệp	2.000.000	2.000.000
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.000.000	35.000.000
- Thuế tài nguyên		
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.155.000.000	1.050.500.000
- Thuế VAT và TNDN	140.000.000	45.500.000
- Thu cấp quyền SDD	2.000.000.000	1.000.000.000
- Cho thuê mặt đất, mặt nước	15.000.000	5.000.000
- Thu khác		
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV. Thu chuyển nguồn		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.858.730.000	7.858.730.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	7.858.730.000	7.858.730.000
- Bổ sung có mục tiêu		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN HOÀ THỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo QĐ số 09/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2022 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

TT		Số tiền	Ghi chú
	Tổng cộng (I+II+III)	9.114.230.000	
I	Chi đầu tư XDCB	1.004.500.000	
1.1	Chi từ nguồn tiền đất	1.005.000.000	
II	Chi thường xuyên	7.700.602.000	
1	Chi sự nghiệp y tế	106.916.000	
1.1	Chi hoạt động trạm y tế + PC y tế thôn	106.916.000	
2	Sự nghiệp giáo dục	10.000.000	
2.1	Hỗ trợ khai giảng, bế giảng, ngày 20/11	10.000.000	
3	Chi sự nghiệp giao thông, nông nghiệp, chăn nuôi, thủy lợi, MT	333.620.000	
3.1	Chi sự nghiệp giao thông - thủy lợi NN, chăn nuôi - XDNTM	283.620.000	
3.2	Chi xử lý vệ sinh môi trường (Bao gồm KP vận chuyển rác thải)	50.000.000	
4	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	554.308.000	
4.1	Chế độ hưu cán bộ 130	276.228.000	
4.2	Trợ cấp thanh niên xung phong	10.080.000	
4.3	Chi mua thẻ BHYT cho cán bộ hưu 130	13.000.000	
4.4	Chi mua thẻ BHYT CCB	220.000.000	
4.5	Chi mua thẻ BHYT đối tượng tham gia kháng chiến	35.000.000	
5	Chi sự nghiệp văn hóa - TDTT	110.000.000	
5.1	Chi công tác thể dục - thể thao	70.000.000	
5.2	Chi công tác văn hóa - văn nghệ	20.000.000	
5.3	Chi tu sửa hệ thống truyền thanh	20.000.000	
6	Chi HĐND, QLNN, Đảng, các đoàn thể	5.636.018.000	
6.1	Chi văn phòng HĐND xã	294.080.000	
6.1.1	Chi lương và phụ cấp của cán bộ HĐND	80.236.000	
6.1.2	Chi đóng BHXH+ BHYT+ KPCĐ của cán bộ HĐND	20.200.000	
6.1.3	Chi phụ cấp đại biểu hội đồng (23 đại biểu x 0,3 x 1.490.000, đ x 12T)	112.644.000	
6.1.4	Chi khoán tiếp xúc cử tri cho đại biểu HĐND (500.000đ/ĐB/năm)	10.500.000	
6.1.5	Chi khám sức khỏe cho đại biểu HĐND (500.000đ/ĐB/năm)	10.500.000	
6.1.7	Chi KP hoạt động	60.000.000	
6.2	Chi cán bộ UBND xã	3.158.746.000	
6.2.1	Chi lương cán bộ hợp đồng	63.600.000	
6.2.2	Chi lương và phụ cấp của cán bộ UBND	1.346.990.000	
6.2.3	Chi đóng BHXH+ BHYT+ KPCĐ của cán bộ QLNN	209.000.000	
6.2.4	Chi phụ cấp xóm trưởng	461.064.000	
6.2.5	Chi hỗ trợ các nhóm nhiệm vụ ở thôn (19 thôn)	382.000.000	
6.2.6	Phụ cấp trung tâm học tập cộng đồng	16.092.000	
6.2.7	Hỗ trợ hoạt động Công Đoàn	10.000.000	
6.2.8	Hỗ trợ xây dựng ngôi nhà trí tuệ tại thôn	20.000.000	
6.2.9	Chi hoạt động khối QLNN	650.000.000	

6.3	Đảng CSVN	948.804.000
6.3.1	Chi lương và phụ cấp cán bộ Đảng	185.000.000
6.3.2	Chi đóng BHXH+ BHYT+ KPCĐ của cán bộ Đảng	30.000.000
6.3.3	Chi phụ cấp Ban chấp hành Đảng ủy	85.824.000
6.3.4	Chi Phụ cấp BT chi bộ + ủy ban kiểm tra Đảng	562.980.000
6.3.5	Chi hoạt động của Đảng	85.000.000
6.4	Chi MTTQ xã	510.820.000
6.4.1	Chi lương và phụ cấp của cán bộ MTTQ	250.000.000
6.4.2	Chi đóng BHXH+ BHYT+ KPCĐ của cán bộ MT	22.000.000
6.4.3	Chi hoạt động của MT	22.000.000
6.4.4	Chi thực hiện vận động toàn dân đoàn kết XDNTM	20.000.000
6.4.5	Kinh phí khu dân cư (19 thôn x5.000.000đ/thôn/năm)	95.000.000
6.4.6	Chi hoạt động của ban thanh tra	5.000.000
6.4.7	Chi phụ cấp hoạt động tôn giáo 0,5*1.490.000/tháng *3 người	26.820.000
6.4.8	Hỗ trợ hoạt động công tác hòa giải tại khu dân cư	10.000.000
6.4.9	Chi công tác tôn giáo	60.000.000
6.5	Chi Đoàn TNCS HCM	182.000.000
6.5.1	Chi lương và phụ cấp của cán bộ Đoàn	120.000.000
6.5.2	Chi đóng BHXH+ BHYT+ KPCĐ của cán bộ Đoàn	20.000.000
6.5.3	Chi hoạt động của Đoàn(Bao gồm cả KP đại hội nhiệm kỳ)	42.000.000
6.6	Chi hội phụ nữ xã	200.568.000
6.6.1	Chi lương và phụ cấp của cán bộ Phụ nữ	148.568.000
6.6.2	Chi đóng BHXH+ BHYT+ KPCĐ của cán bộ PN	35.000.000
6.6.3	Chi hoạt động của PN	17.000.000
6.7	Chi Hội Nông dân xã	189.000.000
6.7.1	Chi lương và phụ cấp của cán bộ ND	145.000.000
6.7.2	Chi đóng BHXH+ BHYT+ KPCĐ của cán bộ ND	27.000.000
6.7.3	Chi hoạt động của ND	17.000.000
6.8	Chi Hội CCB xã	152.000.000
6.8.1	Chi lương và phụ cấp của cán bộ CCB	94.000.000
6.8.2	Chi đóng BHXH+ BHYT+ KPCĐ của cán bộ CCB	11.000.000
6.8.3	Chi hoạt động của CCB và kinh phí đại hội	47.000.000
7	Sự nghiệp an ninh	229.860.000
7.1	Hỗ trợ công an viên 19 đc x 0,5x 1.490.000,	169.860.000
7.2	Chi hoạt động an ninh	60.000.000
8	Sự nghiệp quốc phòng	683.000.000
8.1	Lương và phụ cấp quân sự (Bao gồm KP DQTV)	350.000.000
8.2	Các khoản trích nộp BHXH,BHYT,KPCĐ quân sự	13.000.000
8.4	Chi hoạt động quân sự (gồm huấn luyện DQTV)	320.000.000
9	Các tổ chức chính trị xã hội	36.880.000

9.1	Phụ cấp hội người cao tuổi	17.880.000	
9.2	Hoạt động hội người cao tuổi gồm cả Đại hội	5.000.000	
9.3	Hội khuyến học	3.000.000	
9.4	Hội cựu thanh niên xung phong	3.000.000	
9.5	Hội cựu giáo chức	3.000.000	
9.6	Chi hoạt động chữ thập đỏ và hội người tàn tật	5.000.000	
III	Cải cách tiền lương (Từ tiết kiệm 10% chi TX)	200.360.000	
IV	Chi dự phòng	208.768.000	



Số: 09/QĐ-CTUBND

An Hòa Thịnh, ngày 18 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán Ngân sách năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn về việc phê chuẩn dự toán thu, chi Ngân sách năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 8490/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho xã An Hòa Thịnh;

Căn cứ Nghị quyết số 18 /2021/NQ-HĐND, ngày 30/12/2021 của HĐND xã An Hòa Thịnh về việc phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách năm 2022;

Theo đề nghị của Công chức Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán Ngân sách năm 2022

Tổng thu NSNN trên địa bàn :10.218.730.000,đồng .

Trong đó : Thu Ngân sách xã : 9.114.230.000,đồng

Tổng chi ngân sách xã : 9.114.230.000,đồng

(Có dự toán kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng UBND, Ban Tài chính ngân sách, các tổ chức, Ban ngành và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính;
- Tài chính – Kế toán
(gián niêm yết tại trụ sở);
- Lưu: VP-UBND, TC.

